

GIẢNG DẠY CÁC MÔN HỌC Ở BẬC ĐẠI HỌC BẰNG NGOẠI NGỮ TẠI MỘT SỐ NƯỚC TRONG KHU VỰC*

● **PGS.TS. TRẦN VĂN PHƯỚC**

Trường ĐH Ngoại Ngữ - ĐH Huế

3. Những điều kiện cần thiết và các biện pháp khả thi để thực hiện giảng dạy các môn học ở bậc đại học bằng tiếng Anh thành công

Điều kiện 1: Nhu cầu xã hội và chính sách ngôn ngữ

Việc sử dụng một ngoại ngữ như là phương tiện dạy học cần xuất phát từ nhu cầu của toàn xã hội, của số đông nhân dân, bên cạnh tiếng mẹ đẻ (mother tongue) hay ngôn ngữ dân tộc (national language). Điều kiện này rõ ràng có liên quan đến quan điểm và chính sách ngôn ngữ (language policy) của mỗi nước.

Việc sử dụng tiếng Anh để dạy học các chuyên ngành cần phải xuất phát từ nhu cầu của xã hội. Thực tế của các nước châu Á đã cho thấy rõ điều này.

Chính phủ của mỗi quốc gia cần có những điều tra, nhận định đúng đắn về nhu cầu, mục tiêu sử dụng đối với toàn xã hội, thỏa mãn với số đông nhân dân, cũng như phù hợp với xu thế hội nhập thế giới. Chính sách ngôn ngữ còn phải tính đến việc gìn giữ và truyền bá bản sắc văn hoá của tiếng mẹ đẻ và các tác động về các mặt chính trị, văn hóa và xã hội của ngôn ngữ được sử dụng làm phương tiện dạy học. Theo Robert Phillipson và Tove Skutnabb-Kangas (1996), chính sách ngôn ngữ bao gồm các quyết định về quyền và việc tiếp cận các ngôn ngữ, về vai trò và chức năng của các ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ trong một quốc gia hay cộng đồng. Theo Tsuda, một chuyên gia về phương tiện thông tin liên lạc Nhật Bản (1994, dẫn theo Robert Phillipson và Tove Skutnabb-Kangas) thì có hai quan điểm tiếp cận các ngôn ngữ xem nó như là ngôn ngữ phương tiện để giảng dạy đối với một quốc gia, đó là sử dụng trên một ngôn ngữ làm ngôn ngữ phương tiện để giảng dạy (Ecology-of-Language Paradigm) và sử dụng tiếng Anh như là ngôn ngữ

phương tiện duy nhất để dạy học (Diffusion-of-English Paradigm). Cũng theo hai tác giả trên, tiếng Anh đang là một ngôn ngữ thắng thế hơn các ngôn ngữ đối thủ (rivals) khác trên thế giới như tiếng Trung Quốc, tiếng Ả Rập, và tiếng Đức, mặc dù nó có thể bị thách đố bởi những ngôn ngữ này trên thế giới trong thế kỉ tới.

Rõ ràng nhu cầu xã hội, quan điểm, chính sách của chính phủ về ngôn ngữ, cụ thể là sử dụng ngôn ngữ làm phương tiện dạy học có tác động nhất định đến việc học tiếng mẹ đẻ cũng như các ngoại ngữ, trong đó có tiếng Anh. Việc sử dụng tiếng Anh như là ngôn ngữ phương tiện để giảng dạy các chuyên ngành, đầu tiên phải xuất phát từ các nhu cầu xã hội và phải có sự chỉ đạo từ phía chính phủ thông qua các chính sách ngôn ngữ.

Điều kiện 2: Khả năng ngoại ngữ đối với sinh viên

Theo báo cáo về việc sử dụng tiếng Anh như là một phương tiện ngôn ngữ dạy học của Hội đồng Giáo dục Hồng Kông tháng 12 năm 2003, để học nội dung chuyên ngành của mình thật tốt, người sinh viên phải có trình độ nhất định về ngoại ngữ để phương tiện được sử dụng trong việc giảng dạy các nội dung chuyên ngành. Tại Hồng Kông, bên cạnh chỉ thị việc giảng dạy tiếng Trung Quốc tại các lớp học, chính phủ động viên các trường sử dụng các ngoại ngữ làm phương tiện ngôn ngữ để dạy học, và tiếng Anh được hầu hết các trường lựa chọn. Nhưng khi đưa tiếng Anh vào dạy các chuyên đề thì sinh viên đã gặp nhiều khó khăn do khả năng tiếng Anh có hạn của mình. Các trường đã linh động kết hợp sử dụng hai mã ngôn ngữ (mixed code) là tiếng Trung và tiếng Anh trong quá trình dạy học, nhưng kết quả vẫn chưa được như mong muốn. Trong một nghiên cứu gần đây của Winnie Tang (2006:17), việc kết

* Tiếp theo kì trước.

hợp sử dụng hai mã ngôn ngữ như thế sẽ gây ra tình trạng không có ngôn ngữ nào được học thấu đáo. Một kinh nghiệm dạy học sử dụng hai mã ngôn ngữ (tiếng mẹ đẻ và tiếng Anh) tại Hàn Quốc và Nhật Bản (Han & Dickey, 2001) trong các lớp học gọi là lớp học được bảo vệ (sheltered classes), trong đó, sinh viên có thể đặt các câu hỏi bằng tiếng mẹ đẻ và giảng viên trả lời bằng tiếng Anh (teacher talk) để sinh viên dễ tiếp thu nội dung. Nhiều giải pháp được thử nghiệm và sử dụng tùy theo hoàn cảnh cụ thể của từng cơ sở đào tạo.

Vấn đề căn bản được đặt ra là cần có sự chuẩn bị về mặt ngôn ngữ hiệu quả hơn nữa từ cấp phổ thông, cũng như ở những năm đầu đại học để giúp sinh viên tự tin khi tiếp thu các nội dung chuyên ngành bằng tiếng Anh.

Học sinh cần được luyện tập các kĩ năng giao tiếp ngôn ngữ như nghe, nói, đọc, viết cũng như các yếu tố về ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng. Ngoài ra, học sinh cần làm quen với ngôn ngữ giảng viên tại lớp học cũng như các hoạt động lớp học khác có sử dụng tiếng Anh để có thể tiếp cận bài giảng và các bài tập một cách hiệu quả. Trong một nghiên cứu của Han và Dickey (2001), nhiều giáo viên Hàn Quốc đề nghị rằng cần tổ chức thi khả năng Anh ngữ trước khi tiến hành dạy các học phần chuyên ngành để đảm bảo rằng sinh viên sẽ tiếp thu được nội dung chuyên ngành bằng Anh ngữ.

Điều kiện 3: “Dạy bằng tiếng Anh là động cơ để giảng viên và sinh viên học tiếng Anh”

Cũng theo báo cáo về việc sử dụng tiếng Anh như là một phương tiện ngôn ngữ dạy học của Hội đồng Giáo dục Hồng Kông tháng 12 năm 2003, việc sử dụng tiếng Anh như là ngôn ngữ để giảng dạy các chuyên ngành và việc học tiếng Anh cơ bản là hai vấn đề khác nhau.

Học chuyên ngành bằng tiếng Anh không thể giúp sinh viên nâng cao khả năng tiếng Anh của mình (2003: 63-64). Tuy nhiên, một khi tiếng Anh đã được sử dụng như là phương tiện để giảng dạy các chuyên ngành, các sinh viên chắc chắn sẽ nhận thức tầm quan trọng và sự cần thiết của tiếng Anh trong việc tiếp thu các nội dung chuyên ngành của họ. Từ đó họ sẽ tự giác tìm học các lớp tiếng Anh căn bản phù hợp để nâng

cao khả năng tiếng Anh của mình. Tiếng Anh lúc đó chính là động cơ công cụ (instrumental motivation), giúp sinh viên tiếp thu các nội dung chuyên môn của mình, trình bày các hoạt động lớp học được giao, và làm được các bài tập bằng tiếng Anh. Cũng từ chủ trương này, các giảng viên chuyên ngành sẽ tự giác tìm cách nâng cao khả năng tiếng Anh của mình. Đây cũng là một cách để các sinh viên sắp trở thành giáo viên hay những giảng viên trẻ phải nỗ lực hơn để học tiếng Anh, để có thể đứng trên bục giảng nói tiếng Anh một cách tự tin với sinh viên của mình.

Điều kiện 4: Khả năng ngoại ngữ đối với giảng viên

Trung tâm của việc sử dụng tiếng Anh để dạy các chuyên ngành chính là năng lực của người giảng viên. Năng lực ở đây không phải là năng lực chuyên ngành mà đó là năng lực tiếng Anh và năng lực về phương pháp dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh.

Tại Hồng Kông, vấn đề năng lực tiếng Anh của giáo viên đại học vẫn còn là mối quan ngại của nhiều trường đại học lấy tiếng Anh làm phương tiện dạy học. Ông Cheung Pak-hong, Hiệu trưởng trường Đại học Munsang Hồng Kông (Asia Africa Intelligence Wire, 2004) cho rằng, trình độ tiếng Anh của giảng viên tại đại học này là không đồng đều, nhà trường cần đặt ra những tiêu chí để đánh giá trình độ tiếng Anh của họ. Muốn dạy tốt, giảng viên chuyên ngành cần được trang bị các quan điểm và phương pháp, về mặt lý thuyết cũng như thực hành. Các giảng viên cần được tạo điều kiện đi tham quan các lớp học dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh trong cũng như ngoài nước, tham gia các hội thảo về chuyên đề này. Cần phải có kế hoạch giúp giáo viên nâng cao khả năng tiếng Anh của mình.

Tại Nhật Bản, Dự án Japan Exchange and Teaching (JET) tổ chức mời các giáo viên dạy tiếng Anh người bản xứ sang Nhật để dạy tại các đại học Nhật Bản. Dự án này đã giúp sinh viên Nhật thực hành tiếng Anh một cách hiệu quả hơn, đồng thời giúp giảng viên tiếng bản xứ tiếp cận với phương pháp dạy học tiên tiến qua trao đổi chuyên môn hay dự giờ, đồng thời luyện tập khả năng tiếng Anh của mình (David Nunan, 2003).

Tại Hàn Quốc, dù chính sách và tài liệu giáo khoa đã thay đổi theo hướng giao tiếp và tương tác từ năm 1995, song hầu hết giảng viên, trong đó có giảng viên chuyên ngành, vẫn chưa có đủ trình độ tiếng Anh theo yêu cầu, cũng như còn hạn chế về mặt phương pháp, vì thế các giảng viên này vẫn còn khuynh hướng dạy theo hướng cũ: thầy giảng và đọc bài, trò lắng nghe và ghi chép. Một số đại học tại đây khuyến khích giảng viên dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh bằng cách trả thêm phụ cấp hàng tháng cho họ (David Nunan, 2003).

Điều kiện 5: Phương pháp và giáo trình dạy học

Dạy chuyên môn bằng tiếng Anh không đơn thuần chỉ là việc thay đổi mã ngôn ngữ. Đó là sự thay đổi mang tính toàn cầu hóa về nhiều mặt, trong đó có mặt phương pháp dạy học (Sangho Han & Robert J. Dickey, 2001). Lối dạy học lấy người thầy làm trung tâm (teacher-centeredness), trong đó, người thầy đóng vai trò chủ đạo trong hầu hết các hoạt động lớp học, từ đầu đến cuối giờ, và học sinh chỉ là những người đóng vai trò thụ động, chỉ làm nhiệm vụ lắng nghe và ghi chép, vẫn còn khá phổ biến ở nhiều trường đại học Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan, và Việt Nam (David Nunan, 2003, Penny Cook, 1994).

Nhiều tác giả trên thế giới có nhận xét về phương pháp dạy học ngôn ngữ tại các nước châu Á còn mang nặng tính truyền thống, không khoa học và không hiệu quả, và cho rằng cách dạy ngôn ngữ của phương Tây là ngược lại (Penny Cook, 1994:159). Tuy nhiên, một số tác giả khác thì cho rằng khi dạy ngôn ngữ, cụ thể là tiếng Anh tại châu Á, người giáo viên cần chú trọng đến hoàn cảnh xã hội văn hóa và xã hội chính trị của các nước đó (Ellis 1996; Lui, 1998).

Khi nghiên cứu các lớp học tiếng Anh tại Việt Nam, Marilyn Lewis và Fiona McCook (2002) nhận xét rằng sinh viên Việt Nam thụ động hay tích cực phần nhiều là do người giáo viên với những gì mà người giáo viên truyền đạt và mong muốn sinh viên của mình thực hiện và tiếp thu trong lớp, chứ không phải do lối học mang nặng yếu tố văn hóa phương Đông.

Hiện nay, khi lấy tiếng Anh làm ngôn ngữ phương tiện, một số nước như Nhật Bản,

Malaysia, Hồng Kông, Trung Quốc, Hàn Quốc (David Nunan, 2003; Han & Dickey, 2001) đã sử dụng các quan điểm và phương pháp giáo học pháp hiện đại vào việc dạy các chuyên ngành như quan điểm giao tiếp (the communicative approach), quan điểm lấy người học làm trung tâm (the learner-centeredness), phương pháp tập trung vào nhiệm vụ học tập (task-based methodology), phương pháp tập trung vào nội dung (content-based methodology). Gần đây, Đại học Kyongju Hàn Quốc (Han & Dickey 2001) tiến hành khảo sát việc thực thi các phương pháp dạy chuyên ngành bằng tiếng nước ngoài (Foreign Language Medium Instruction-FLMI) theo hướng chú trọng đến nội dung (content-based). Kết quả cho thấy đây là phương pháp có nhiều triển vọng, tuy nhiên có nhiều vấn đề cần được xem xét bổ sung như: định nghĩa thế nào là nội dung (content), khả năng tiếp thu của sinh viên và việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong lớp học bên cạnh tiếng Anh, v.v...

Nhìn chung, người giáo viên dạy chuyên môn bằng tiếng Anh cần phải am hiểu các quan điểm và phương pháp dạy học hiện đại nêu trên để có thể ứng dụng phù hợp vào lớp học cụ thể của mình, từ đó làm cho bài dạy và các hoạt động lớp học có hiệu quả.

Về tài liệu dạy học, đã có nhiều chương trình giáo trình được biên soạn theo các quan điểm dạy học hiện đại, như chương trình dựa theo nhiệm vụ hay dựa theo nội dung, hay theo quan điểm giao tiếp, quan điểm lấy người học làm trung tâm, như đã nói ở trên. Cũng có nhiều tài liệu chuyên ngành được thiết kế không theo các quan điểm trên. Tuy nhiên, người giáo viên một khi đã nắm được các phương pháp dạy học, có thể biến các bài học khô khan trở thành thú vị thông qua tổ chức các hoạt động lớp học tương tác và giao tiếp.

Điều kiện 6: Môi trường tiếng Anh và các điều kiện hỗ trợ

Trong một Hướng dẫn của Hội đồng Giáo dục tại Hồng Kông 1988/1999 (2003:30-40), các trường phổ thông muốn sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ phương tiện cần đảm bảo đầy đủ ba tiêu chí: khả năng tiếng Anh của học sinh, năng lực của giáo viên, và các biện pháp hỗ trợ (sup-



port measures). Các biện pháp hỗ trợ theo Hướng dẫn này bao gồm: 1) tăng cường dạy tiếng Anh như là một môn học cơ bản; 2) tạo nhiều hoạt động tiếng Anh trong và ngoài lớp học cho sinh viên tham gia; 3) tổ chức các lớp học tiếng Anh bổ túc đối với những học sinh mất căn bản tiếng Anh.

Khi tiếng Anh là ngôn ngữ phương tiện để dạy học các chuyên ngành, không chỉ giáo viên và sinh viên là đối tượng cũng như chủ thể của hoạt động này, và hoạt động này không chỉ giới hạn trong phạm vi lớp học. Nhiều trường đại học tại Hồng Kông đã biến toàn bộ ngôi trường trở thành một môi trường tiếng Anh, môi trường mà nhiều chuyên gia giáo dục Hồng Kông gọi đó là "Whole-school approach" (tạm dịch là Chủ trương toàn trường) (2003: 77).

Trong môi trường này, hàng tuần nhà trường và các bộ phận liên quan thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động mang tính văn hóa đối với các nước nói tiếng Anh, các buổi thuyết trình, các hoạt động văn thể, câu lạc bộ, trò chơi bằng tiếng Anh. Ban giám hiệu, các cán bộ phòng ban, cũng như các nhân viên chức năng khác cũng phải sử dụng tiếng Anh. Một môi trường tiếng Anh như thế cũng sẽ kích thích sinh viên đến với tiếng Anh, nếu không họ sẽ bị lạc lõng, thiếu hòa nhập.

Khi nói đến môi trường hỗ trợ cho việc sử dụng tiếng Anh như là phương tiện dạy học, chúng ta cần phải nói đến các điều kiện vật chất và kỹ thuật để hỗ trợ cho việc dạy và học. Trong lớp học của các đại học Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore các trang thiết bị được trang bị sẵn như powerpoint projector, overhead projector, video, cassette, bàn ghế di chuyển được cho hoạt động nhóm, đôi, v.v... được đầu tư bài bản (David Nunan, 2003). Cũng tại các nước này, nhà trường có đầy đủ các tạp chí và tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh, mạng Internet và các cơ sở dữ liệu liên quan, các phòng vi tính (computer room) để sinh viên làm bài tập, phòng chức năng (function room) để sinh viên họp nhóm hay làm việc với giáo viên (teacher-student conference). Đó là những điều kiện căn bản để hỗ trợ việc học tập và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên.

Đã có nhiều dự án, các đề tài nghiên cứu, các khóa hội thảo được tiến hành về việc sử dụng tiếng Anh để dạy chuyên ngành (Han & Dickey 2001; Winnie Tang, 2006; Peter Tan, 2003), trong đó những mặt mạnh cũng như những tồn tại đã được chỉ ra và những giải pháp đã được đề nghị. Có thể nói, những hoạt động khoa học và dự án có chất lượng đã góp phần đáng kể vào việc tổ chức và điều chỉnh các vấn đề liên quan đến việc sử dụng tiếng Anh để dạy các chuyên ngành tại các nước châu Á.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Amy B.M.Tsui (2003) Language Policies in Asian Countries: Issues and Tensions trong The Journal of ASIA TEFL Vol.1, No.2. 2004.
2. Andrew Moody (2006), ENGLISH-MEDIUM HIGHER EDUCATION AT THE UNIVERSITY OF MACAU trong Symposium LANGUAGE ISSUES IN ENGLISH-MEDIUM UNIVERSITIES ACROSS ASIA tại Đại học Hồng Kông từ ngày 8-9/6 năm 2006.
3. Arlene Modi (2000) English Education in India trong tạp chí Perspectives on Secondary School EFL Education, NXB Tokyo Nhật Bản.
4. Brinton, D., Snow, M.A., & Wesche, M.B. (1989). Content-based second language instruction. Boston: Heinle and Heinle.
5. Coyle, D. (2000). Meeting the challenge: The 3Cs curriculum, in S. Green (Ed.) Issues in modern foreign language teaching (pp. 158-182). Multilingual Matters: Clevedon.
6. Đại học Quốc gia TP.HCM (2007), Giảng dạy tiếng Anh bậc đại học tại Việt Nam: Vấn đề và giải pháp. NXB ĐHQG TP.HCM.
7. David Crystal (2000) English as a Global Language, CUP, England.
8. Devon H.Woods & M.Moore (1988) "Bilingual Education and Programs for Immigrant/Refugee Children: A Review of the Literature" trong Tạp chí Carleton Papers in Applied Language Studies, Vol.V.1988, Canada.
9. Elaine Tarone (2005) Schools of Fish: English for Access to International Academic and Professional Communities trong The Journal of ASIA TEFL Vol.2, No.1.

SUMMARY

This article discusses the teaching of higher education subjects in foreign languages, covering topics: 1/ common characteristics and policies of Southeast Asian countries in teaching higher education subjects in English; 2/ some models for teaching in foreign languages; 3/ conditions and measures for successful teaching higher education subjects in English.